

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2022/DS-PT

Ngày: 14-12-2022.

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Đồng;

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Diệp; bà Võ Thị Hồng Mai.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Th Trang, Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm C khai vụ án thụ lý số: 300/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 314/2022/QĐXXPT-PT ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương Tr, sinh năm 1995, cư trú tại: khu phố 6, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có ủy quyền)

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Phương Tr:* Anh Lê Phước Y, sinh năm 1995, cư trú tại: Số 8, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1965, cư trú tại: Số 109, hẻm 7, đường Lạc Long Quân, khu phố 6, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1961, cư trú tại: Số 46/3A, đường Trần Văn Ồ, phường Tân Sơn N, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

+ Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1970, cư trú tại: Khu phố 6, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Phương Tr là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Phương Tr và người đại diện theo ủy quyền của chị Tr là anh Lê Phước Y trình bày:**

Ngày 21-9-2020, chị Tr có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Ngọc Th 354,4 m<sup>2</sup> đất, tọa lạc tại: Khu phố 6, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, đã sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Tr.

Trước khi nhận chuyển nhượng, chị Tr có tự kéo dây đo và phát hiện ông Trần Ngọc S lấn đất, qua trao đổi ông S chấp nhận đập nhà nhưng xin đập phần phía sau, khi xây lại xong phần phía sau sẽ đập phần phía trước.

Sau khi ông S đập phần phía sau, nhìn bằng mắt thường thấy đất vẫn còn bị lấn nên chị Tr yêu cầu Công ty đo đạc đo lại đất và thực tế cả phần nhà sau đã xây lại và nhà trước vẫn lấn đất nên chị Tr yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường B giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 11-12-2005, bà Th xác định kích thước phần đất đã chuyển nhượng cho chị Tr có chiều ngang 6,3 nên ông S tự viết cam kết với nội dung “Ngày bà Th bán đất tôi có nói: phải đo đạc lại cho chính xác. Nếu vướng chỗ nào đập chỗ đó (theo diện tích giấy đất của bà Th) vì bà Th ngang chỉ có 6,3 m, đo từ tường nhà em tôi sang tường nhà tôi”, nhưng ông S không thực hiện.

Vì vậy, chị Tr khởi kiện yêu cầu ông S trả lại đất đã lấn diện tích 14,5 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 569, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS06828 ngày 09-10-2020, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, chị Tr đứng tên.

**- Bị đơn, ông Trần Ngọc S trình bày:**

Ông là em ruột của bà Trần Thị Ngọc Th, toàn bộ diện tích đất của ông và của bà Th là được cha mẹ tặng cho, theo kích thước thì ông được cho 4,5 m ngang nhưng vì trên đất có sẵn ngôi nhà nên bà Th cho ông 1,5 m ngang, sau khi đã cho, đo lại đất vẫn không đủ chiều ngang ngôi nhà nên ông và bà Th thỏa thuận bà Th giao thêm 0,8 m ngang, phần này ông trả tiền cho bà Th. Như vậy đất ông có chiều ngang là 6,8 m. Ranh giới giữa đất ông và đất bà Th là tường nhà ông, nhà này đã có từ khoảng 30 năm về trước.

Chị Tr nhận chuyển nhượng đất của bà Th chỉ từ năm 2020 nên không có việc ông lấn đất. Khi chuyển nhượng ông đã bảo đo đạc thực tế nhưng chị Tr không đo mà chỉ sang tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng sau đó kiện đòi ông cho đủ diện tích ghi trong giấy chứng nhận là không có căn cứ.

Đúng lý ra phải tính theo ranh thực tế nhưng khi chị Tr tranh chấp với bà Th ông cũng muốn cho êm chuyện nên đồng ý tháo dỡ phần ô văng (sê nô), tam cấp, gờ cột cho thẳng ranh theo tường nhà.

Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc Th trình bày:**

Bà có chuyên nhượng đất cho chị Tr, khi thỏa thuận với nhau về việc chuyển nhượng bà có bảo chị Tr mời cơ quan chuyên môn đến đo đạc, diện tích thực tế bao nhiêu thì tính bấy nhiêu nhưng chị Tr không mời mà vẫn lập hợp đồng chuyển nhượng theo diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế thì vị trí đất của bà là tính từ sát tường nhà ông Trần Ngọc C đến sát tường nhà ông Trần Ngọc S, các công trình phụ như ông S trình bày do không thẳng với tường nhà nên thuộc đất của bà, chỉ điều chỉnh phần công trình phụ này lại là được.

Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc C trình bày:**

Ông là em ruột của bà Th và ông S, thống nhất về nguồn gốc đất như bà Th, ông S trình bày. Đất bà Th nằm giữa đất của ông và đất của ông S, trước đây giữa đất ông và đất bà Th không có ranh giới, sau khi chị Tr mua đất của bà Th thì ông xây dựng hàng rào làm ranh và chị Tr đã thống nhất. Như vậy, ranh giới là hàng rào không phải tính từ tường nhà của ông. Đối với tranh chấp giữa chị Tr và ông S thì ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

**- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, quyết định:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương Tr đối với ông Trần Ngọc S về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

+ Buộc ông Trần Ngọc S trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương Tr phần đất có diện tích 9,5 m<sup>2</sup>, Thộc một phần thửa 569, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại: khu phố 6, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau: Đông giáp thửa 569 dài 56,97 m; Tây giáp thửa 568 dài 56,98 m; Nam giáp thửa 178 dài 0,34 m; Bắc giáp đường M-N dài 0,03 m.

+ Buộc ông Trần Ngọc S có nghĩa vụ đập bỏ, tháo dỡ một phần các tài sản trên đất của chị Tr với kích thước như sau:

Phần ô văng với kích thước: Ngang mặt trước 0,23 m; ngang mặt sau 0,29 m; chiều dài 2,58 m, tổng diện tích 0,67 m<sup>2</sup>.

Phần bậc tam cấp với kích thước: Dài 2,43 m, rộng 0,23 m.

Phần mái che cửa sổ 1 với kích thước: Ngang mặt trước 0,10 m; ngang mặt sau 0,10 m; chiều dài 1,41 m, tổng diện tích 0,14 m<sup>2</sup>.

Phần mái che cửa sổ 2 với kích thước: Ngang mặt trước 0,17 m; ngang mặt sau 0,2 m; chiều dài 1,92 m, tổng diện tích 0,35 m<sup>2</sup>.

Phần mái che cửa sổ 3 với kích thước: Ngang mặt trước 0,26 m; ngang mặt sau 0,26 m; chiều dài 1,27 m, tổng diện tích 0,33 m<sup>2</sup>.

Phần máng xối 0,33 m.

Phần gờ cột tường nhà của ông S tại vị trí mái che cửa sổ 3: Kích thước là 0,1 m.

*(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)*

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương Tr đối với ông Trần Ngọc S đòi phần diện tích 5 m<sup>2</sup>, Thộc một phần thửa 569, tờ bản đồ số 8.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác; nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Ngày 23-8-2022, chị Nguyễn Thị Phương Tr kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc ông S phải tháo dỡ, di dời trả lại đất cho chị theo đúng diện tích 14,5 m<sup>2</sup> như yêu cầu khởi kiện.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Người đại diện theo ủy quyền của chị Tr là anh Lê Phước Ý giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của chị Tr.

***Ý kiến của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:***

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Phương Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương Tr vắng mặt có ủy quyền, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tr.

[2] Về nguồn gốc đất đang tranh chấp, các đương sự thống nhất là của cha mẹ bà Trần Thị Ngọc Th, ông Trần Ngọc S, ông Trần Ngọc C phân chia.

[3] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Phương Tr, thấy rằng:

Phần đất của ông S được chia thì đã có sẵn ngôi nhà từ trước, do ngôi nhà nằm ngoài kích thước đất ông S được chia nên đã có sự thỏa thuận giữa ông S và bà Th là bà Th giao thêm 1,5 m ngang sau đó là 0,8 m ngang, thực tế ranh giới giữa đất bà Th và đất ông S là tính từ mé tường nhà của ông S sang đất ông C, đất và nhà của ông C cũng đã có từ trước.

Bà Th, ông S, ông C sử dụng đất theo vị trí đã xác định từ trước đến nay không thay đổi, không ai tranh chấp. Năm 2020 bà Th chuyển nhượng đất cho chị Tr là chuyển nhượng toàn bộ thửa đất, chị Tr cũng không có thắc mắc, khiếu nại gì.

Theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật Dân sự thì ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận giữa các bên.

Việc chênh lệch giữa diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng và diện tích thực tế là do chênh lệch từ khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th và ông S.

Việc chênh lệch diện tích giữa 02 lần đo vẽ là do khi đo đạc lấy điểm xuất phát không giống nhau: Một lần thì lấy từ mí tường nhà của ông C sang tường nhà ông S; một lần thì lấy từ hàng rào của ông C (hàng rào nằm ngoài mí tường nhà ông C) nhưng hàng rào này là do ông C xây sau khi bà Th đã chuyển nhượng đất cho chị Tr, là việc thỏa Thuận xác định ranh giới đất giữa ông C và chị Tr, không liên quan đến ranh thực tế giữa đất ông S và đất bà Th đã có từ trước đến nay.

Theo hiện trạng ranh giới giữa đất bà Th và đất ông S thì C trình phụ phía trước không thẳng hàng với tường nhà nên ông S chấp nhận xử lý cho đúng ranh từ trước đến sau, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tr đối với phần diện tích này là có căn cứ.

Chị Tr kháng cáo yêu cầu ông S phải di dời tài sản trả lại đất cho chị theo đúng diện tích 14,5 m<sup>2</sup> như yêu cầu khởi kiện tức là phải đập tường nhà của ông S là không có căn cứ.

**[4]** Bản án sơ thẩm đúng về nội dung nhưng có các sai sót sau đây:

- Qua đo đạc, thẩm định, lồng ghép sơ đồ hiện trạng sử dụng đất tranh chấp vào bản đồ địa chính thì phần diện tích tranh chấp thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 8, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06828 ngày 09-10-2020, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, chị Nguyễn Thị Phương Tr đứng tên nhưng không ghi vào phần quyết định của bản án.

- Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng khác: Bản án tuyên buộc đương sự phải chịu nhưng không dẫn chứng điều luật áp dụng; phần nhận định của bản án ghi rõ tổng chi phí tố tụng bao nhiêu, mỗi đương sự phải chịu bao nhiêu nhưng phần quyết định không ghi mà chỉ ghi ông S trả lại cho bà Tr 9.165.000 đồng là không đầy đủ nội dung; bản án không ghi nghĩa vụ chậm trả của ông S đối với số tiền 9.165.000 đồng phải nộp trả cho chị Tr nếu như ông S chậm thi hành án là thiếu sót.

Tuy nhiên, những sai sót nêu trên không làm thay đổi nội dung vụ án nên không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm mà Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ, tránh gặp khó khăn trong quá trình thi hành án.

**[5]** Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên chị Tr phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Phương Tr.

**2.** Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương Tr đối với ông Trần Ngọc S về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

+ Buộc ông Trần Ngọc S trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương Tr phần đất có diện tích 9,5 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 569, tờ bản đồ số 8, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS06828 ngày 09-10-2020, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, chị Nguyễn Thị Phương Tr đứng tên, tọa lạc tại: Khu phố 6, Phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau: Đông giáp thửa 569 dài 56,97 m; Tây giáp thửa 568 dài 56,98 m; Nam giáp thửa 178 dài 0,34 m; Bắc giáp đường M-N dài 0,03 m.

+ Buộc ông Trần Ngọc S có nghĩa vụ tháo dỡ, đập bỏ, di dời các tài sản sau đây nằm trên 9,5 m<sup>2</sup> đất nêu trên để giao trả đất cho chị Tr:

Phần ô văng với kích thước: Ngang mặt trước 0,23 m; ngang mặt sau 0,29 m; chiều dài 2,58 m; tổng diện tích 0,67 m<sup>2</sup>.

Phần bậc tam cấp với kích thước: Dài 2,43 m, rộng 0,23 m.

Phần mái che cửa sổ 1 với kích thước: Ngang mặt trước 0,10 m; ngang mặt sau 0,10 m; chiều dài 1,41 m, tổng diện tích 0,14 m<sup>2</sup>.

Phần mái che cửa sổ 2 với kích thước: Ngang mặt trước 0,17 m; ngang mặt sau 0,2 m; chiều dài 1,92 m, tổng diện tích: 0,35 m<sup>2</sup>.

Phần mái che cửa sổ 3 với kích thước: Ngang mặt trước 0,26 m; ngang mặt sau 0,26 m; chiều dài 1,27 m, tổng diện tích 0,33 m<sup>2</sup>.

Phần máng xối 0,33 m.

Phần gờ cột tường nhà của ông S tại vị trí mái che cửa sổ 3 là 0,1 m.

*(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)*

- Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương Tr đối với ông Trần Ngọc S đối với phần diện tích 5 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 569, tờ bản đồ số 8 như đã nêu trên, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên.

- Về chi phí tố tụng khác:

+ Chị Nguyễn Thị Phương Tr phải chịu 14.165.000 (mười bốn triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

+ Ông Trần Ngọc S phải chịu 14.165.000 đồng, trong đó: Ông S đã nộp 5.000.000 đồng; còn phải nộp trả cho chị Nguyễn Thị Phương Tr 9.165.000 (chín triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông S chưa nộp trả cho chị Tr đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng ông S còn phải trả cho chị Tr tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Ngọc S phải chịu 4.132.500 (bốn triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

+ Chị Nguyễn Thị Phương Tr phải chịu 2.175.000 (hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, được trừ vào 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0000993 ngày 15-12-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho chị Tr 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp Biên lai thu số: 0000993 ngày 15-12-2020 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai Th số: 0000835 ngày 03-3-2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0001285 ngày 23-8-2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND TTN;
- TAND thành phố TN;
- Chi cục THADS thành phố TN;
- Phòng KTNV&THA TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đặng Thị Đồng**